

Số: 110/QĐ-GDNN-GDTX1

Điện Biên, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu bổ sung dự toán
chi ngân sách năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDNN- GDTX 1

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Thành lập các Trung tâm GDNN - GDTX khu vực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 của Trung Tâm GDNN-GDTX 1 (như biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan, bộ phận kế toán tài vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HSCV TT
- Website
- Lưu: -VT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Thúy



CHI TIẾT CÔNG KHAI GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 110/QĐ-GDNN-GDTX1 ngày 15/10/2025 của Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX 1)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Loại 070- khoản 075	Loại 070- khoản 083	Ghi chú
I	Thu chi ngân sách về phí lệ phí				
II	Dự toán chi	12.862.000	12.862.000	-	
1	Sự nghiệp giáo dục	4.251.000	4.251.000		
a)	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.373.000	3.373.000		
b)	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	878.000	878.000		
	Trong đó:				
	Tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	322.000	322.000		
	Cấp bù học phí theo nghị định 81/2021/NĐ-CP	28.000	28.000		
	Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 81/2021/NĐ-CP	70.000	70.000		
	Phần mềm các loại	21.000	21.000		
	Kinh phí đại hội Đảng	4.000	4.000		
	- CTMTQG PTKT-XH vùng dân tộc thiểu số (Vốn đối ứng NSDP)	372.000	372.000		
	Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (Sự nghiệp giáo dục)	372.000	372.000		
	- CTMTQG giảm nghèo bền vững (Vốn đối ứng NSDP)	61.000	61.000		
	Tiểu dự án 1 của dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Sự nghiệp giáo dục)(Mã CTMT: 00474; Nguồn NSDP)	61.000	61.000		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	8.611.000	8.611.000		
	1. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.930.000	4.930.000		
	Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (Sự nghiệp giáo dục)	4.390.000	4.390.000		
	2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.681.000	3.681.000		

	 Tiêu dự án 1 của dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Sự nghiệp giáo dục)(Mã CTMT: 00274; Nguồn NSDP)	3.681.000	3.681.000		
3	Sự nghiệp đào tạo	-	-	-	
a)	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Trong đó: đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương				
	Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương				
b)	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
	Trong đó:				
	Hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào giai đoạn 2021 - 2025	-			

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh và giao dự toán ngân sách địa phương năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các Trung tâm GDNN-GDTX 1,2,3,4, nhận nhiệm vụ từ các huyện, thị xã, thành phố khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách được giao, các Trung tâm GDNN-GDTX 1,2,3,4, tổ chức quản lý, thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Giám đốc các Trung tâm GDNN-GDTX 1,2,3,4 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực X;
- KBNN khu vực X- PGD số 1,4,5;
- Lãnh đạo sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuyết Ban

**BỘ SƯNG DỤ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Trung tâm GDNN-GDTX 1

Mã số: 1031669

Mã KBNN nơi giao dịch: 2761

(Kèm theo Quyết định số 1442/QĐ-SGDĐT ngày 9 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó	
			Nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ Phí			
1.2	Phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
3.1	Lệ phí			
3.2	Phí			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.862.000	7.210.000	5.652.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	4.251.000	433.000	3.818.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.373.000		3.373.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	878.000	433.000	445.000
	Trong đó:			
	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	322.000		322.000
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/ND-CP	28.000		28.000
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/ND-CP	70.000		70.000
	Phần mềm các loại	21.000		21.000
	Kinh phí đại hội đảng	4.000		4.000
	- CTMTQG PTKT-XH vùng dân tộc thiểu số (Vốn đối ứng NSDP)	372.000	372.000	



	Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTS&MN (Sự nghiệp giáo dục)	372.000	372.000	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Vốn đối ứng NSDP)	61.000	61.000	
	Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Sự nghiệp giáo dục) (Mã CTMT: 00474; Nguồn NS địa phương	61.000	61.000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	8.611.000	6.777.000	1.834.000
	1. Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.930.000	4.930.000	-
	Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTS&MN (Sự nghiệp giáo dục)	4.930.000	4.930.000	
	2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.681.000	1.847.000	1.834.000
	Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn(Sự nghiệp giáo dục) (Mã CTMT: 00474; Nguồn NS trung ương	3.681.000	1.847.000	1.834.000